

KIẾN TRÚC VÀ ĐIỀU KHẮC ĐÌNH TÌNH QUANG (HÀ NỘI)

LÊ QUỐC VỤ*

1. Lịch sử di tích

Đình Tình Quang thuộc địa phận làng Tình Quang, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Từ khi được khởi dựng cho đến nay, ngôi đình đã gắn bó mật thiết với con người và mảnh đất Tình Quang - một trong những ngôi làng Việt cổ truyền thuộc địa phận quận Long Biên - cửa ngõ phía bắc của thủ đô Hà Nội.

Làng Tình Quang còn có tên Nôm là Kê Vĩa, tức là chỉ làng quê vùng ven sông nước. Xưa kia, sông Thiên Đức chi lưu của sông Hồng, ở làng Xuân Canh chảy qua Hoa Lâm, Yên Thường (Đông Ngàn), Phù Ninh (Tiên Du), làng Vĩa, làng Tạnh, Cổ Bi, Siêu Loại (Gia Lâm) rồi đổ ra sông Lục Đầu. Năm 1865, vua Tự Đức cho đào con sông Đuống để phân dòng nhằm giảm áp lực nước sông Hồng lên Thăng Long. Sông đào qua giữa làng Vĩa làm mất dòng sông Thiên Đức và chia làng Vĩa, ra làm hai: làng Vĩa lớn tức Tình Quang bên bờ Nam sông Đuống và làng Vĩa con tức là Cống Thôn hay còn gọi là làng Vĩa Cống. Tình Quang tồn tại như một xã độc lập, đến năm 1955 sát nhập cùng với xã Quán Tinh thành xã Giang Biên. Từ đó đến năm 2004, Tình Quang và Quán Tinh là hai thôn thuộc xã Giang Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Nay là cụm dân cư Tình Quang, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đình Tình Quang được chuyển dịch vị trí nhiều lần do việc đắp đê và cải tạo dòng chảy của sông Đuống. Đại đình hiện nay có hướng đông bắc. Phía trước cửa đình là một ao lớn có ý nghĩa tụ thủy, tụ phúc. Trước đây, tại khu vực đình còn có hai nhà bia hạ mã, lăng Đình Điền, xung quanh là những cây si, cây gạo... Đến nay, do nhiều nguyên nhân mà quy mô tổng thể kiến trúc đã bị thu hẹp. Song, vẫn có thể thấy đình có quy mô lớn, bề thế, có không gian cảnh quan thoáng rộng. Đình vẫn lưu giữ được những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể có giá trị. Và, vẫn là trung tâm sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng, là niềm tự hào sâu sắc thiêng liêng của cộng đồng nơi đây.

Đình Tình Quang thờ ba vị Thành hoàng, gồm: Lý Nam Đế (503 - 548, nhà Tiền Lý), Đình Điền (924 - 979, nhà Đinh - Tiền Lê) và Lý Chiêu Hoàng (1218 - 1278, nhà Lý). Đó là những nhân vật tiêu biểu trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Thân thế, sự nghiệp và công tích của họ được ghi chép và nhắc đến trong một số bộ chính sử phong kiến.

* Cục Di sản văn hóa

2. Kiến trúc đình Tinh Quang

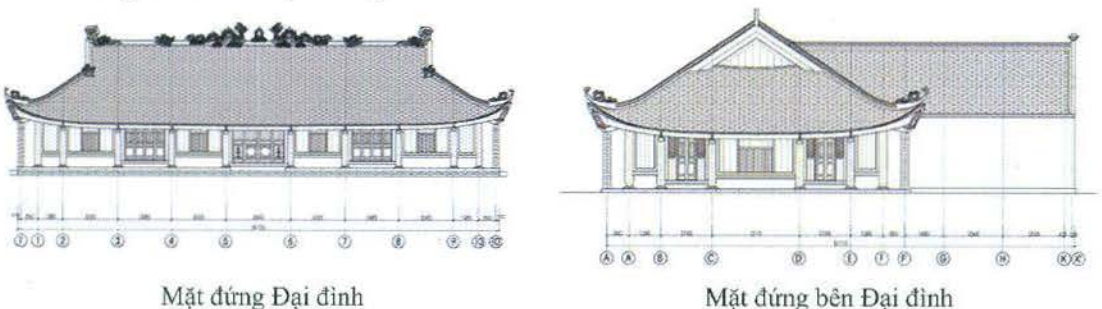
Mặt bằng đình Tinh Quang hiện nay, nhìn từ ngoài vào, trước mặt đình là hồ bán nguyệt (ao đình) (Hình 1a), chắn trước Nghi môn là bức Bình phong. Giữa Bình phong và Nghi môn là một con đường nội bộ của đình, qua Nghi môn là một khoảng sân rộng, dọc theo hai bên là Tả vu, Hữu vu, mỗi dãy có 5 gian, được xây theo kiểu tường hồi bít đốc. Tiếp đến là kiến trúc tòa Đại đình nằm ở chính giữa bao gồm các tòa: Đại đình 5 gian 2 chái và 3 gian Hậu cung. Phía sau Hậu cung là khoảng sân rộng. Phía trước, bên phải tòa Đại đình là lăng mộ quan Thái giám bằng đá, có bia tứ trụ ghi chữ: Thái giám từ. Ngang tòa Đại đình, bên trái là cổng tứ trụ (Nghi môn) để bắt đầu đi vào không gian của đình. Đây là kiến trúc chủ yếu của đình Tinh Quang còn giữ được khá nguyên vẹn, mang những giá trị kiến trúc, nghệ thuật cổ truyền (Hình 1b).



Hình 1. Đại đình năm 1992
(Nguồn: Cục Di sản văn hóa)

2.1. Đại đình

Đại đình to lớn bề thế có kiến trúc hình chữ Đinh (丁), được làm theo kiểu tàu đao lá mái với 6 hàng chân cột. Những dấu vết để lại trên những lỗ thân cột cho biết, trước đây đình có hệ thống ván sàn. Đại đình và Hậu cung liên hoàn tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Nhìn từ ngoài vào, mái tòa Đại đình to rộng, xòe ra trùm lên kết cấu khung gỗ, cùng với những trang trí linh vật trên mái đã tạo nên một dáng vẻ hết sức hoành tráng và cổ kính (Hình 2).



Hình 2. Bản vẽ Đại đình
(Nguồn: Công ty CP Bảo tồn Di sản văn hóa Việt)

Mái của tòa Đại đình lợp ngói ta, chính giữa bờ nóc đắp hình tượng: “lưỡng long châu nhật”. Rồng ở đây được thể hiện có vẻ dữ tợn, thông qua mũi nổi khối, kết hợp với đao tót, đao vây và đuôi với những đường nét sắc sảo, uốn lượn. Thân rồng gắn các mảnh sứ, thể hiện trong tư thế bươn chải, hướng về trung tâm mặt trời. Mặt trời trang trí những đao bốc lửa, phía dưới được nâng đỡ bởi những cụm mây. Tiếp sau rồng là đôi phượng trong tư thế cánh dang rộng. Hai đầu kim của bờ nóc trang trí hai rồng dạng cuốn thủy. Những hình tượng như vậy biểu thị cho bầu trời vân vũ - gắn liền với sự cầu mong nguồn nước của cư dân nông nghiệp. Bờ dải được trang trí dải hoa lá chanh chạy từ đuôi của đầu kim đến tiếp nối phần đầu guột. Phần giữa mà chính là phần cuối bờ chày được tạo đắp hình tượng dạng con nghê. Phần đầu guột, tạo bởi hình tượng lá cúc lật, có một phần nhánh lá vút ra. Đứng trên đó là hình tượng con lân đang ngâm cụm mây. Tiếp đến đầu đao cong, phần mũi đao được gắn với hình tượng đầu sư tử. Dưới góc đầu đao được ốp chéo dải lá sần. Tất cả bờ nóc, bờ dải và bờ guột đều được đắp bằng vôi vữa và gạch hoa chanh làm tăng tính thẩm mỹ cho mái đình.

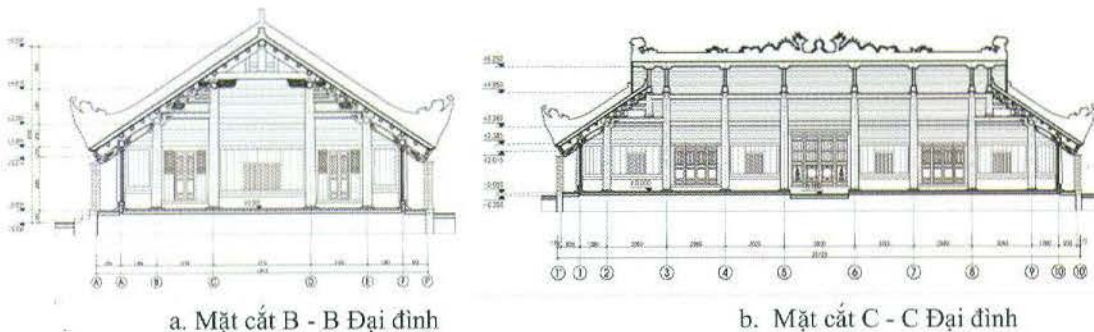
Tòa Đại đình được dựng trên nền cao là 50cm so với mặt sân, xung quanh được bó vỉa bằng đá xanh. Không gian bên trong của tòa Đại đình với nội thất chia làm 5 gian, 2 chái, mà thực chất là 2 chái lớn và 2 chái nhỏ, được dựng trên kết cấu 6 hàng chân cột, diện tích 360m².

Bảng 1. Kích thước cắt dọc của tòa Đại đình (Hình 3a)

Các đơn vị không gian	Số đo
Gian giữa	3,60m
Gian bên phải và trái cạnh gian giữa (x 2 gian)	3,02m
Gian bên bên phải và trái kế tiếp (x 2 gian)	2,98m
Chái bên phải và bên trái (x 2 gian)	4,44m
Hiên hồi bên phải và bên trái (x 2 gian)	1,10m
Tổng cộng	26,68m

Bảng 2. Kích thước cắt ngang của tòa Đại đình (Hình 3b)

Khoảng cách giữa các cột	Số đo
Cột cái - Cột cái	3,77m
Cột cái - Cột quân phía trước và phía sau	2,91m
Cột quân phía trước - Cột hiên phía trước và phía sau	1,45m



Hình 3 Bản vẽ Đại đình

(Nguồn: Công ty CP Bảo tồn Di sản văn hóa Việt)

Nền của tòa Đại đình được lát gạch bát kích thước 30cm x 30cm. Hiện nay, tại gian giữa mặc dù đã qua nhiều lần tu sửa nhưng vẫn còn giữ lại hiện trạng của gian lòng thuyền/lòng nước (tức gian chính giữa) thấp hơn so với các gian khác (Hình 4).

Gian lòng nước, các cột cái đều cao 6m, đường kính 47cm dựng trên chân tảng đá vuông tròn có kích thước 68cm x 68cm. Cột quân cao 3,6m, đường kính 40cm, dựng trên chân tảng kích thước 56cm x 56cm.

Kết cấu các bộ vì nóc tòa Đại đình được dựng trên câu đầu dạng vì kèo cột trụ thanh vuông (Hình 5). Đây là sản phẩm của lần tu bổ dưới thời Nguyễn. Hiện tượng này tạo cho kiến trúc có phần vững chãi hơn, bởi kèo và cột trụ được đóng bén ăn mộng với nhau. Phần vì nóc tạo dạng tam giác cân đứng toàn bộ và tải lực trên một câu đầu lớn. Phần trụ giữa đỡ lấy xà nóc thông qua một đầu hình thuyền. Phần đầu này có chạm viền và phần cổ dưới hờ ra dạng lá đề. Các hoành mái dạng vuông. Nhìn chung tổng thể câu đầu, vì nóc và hoành mái để trơn không trang trí. Các hoành mái dạng vuông này là sản phẩm mượn qua các lần tu bổ về sau.



Hình 4. Nền Đại đình

(Nguồn: Cục Di sản văn hóa)



Hình 5. Vì nóc, năm 1992

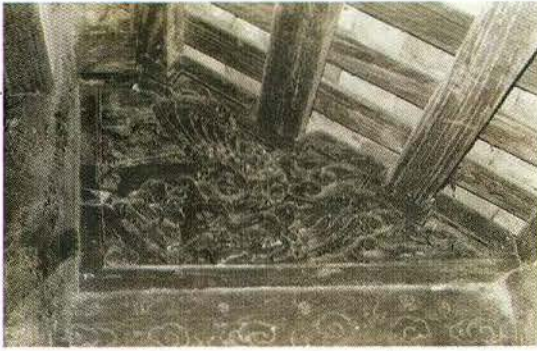


Hình 6. Bẫy hiện phía trước Đại đình, năm 1992

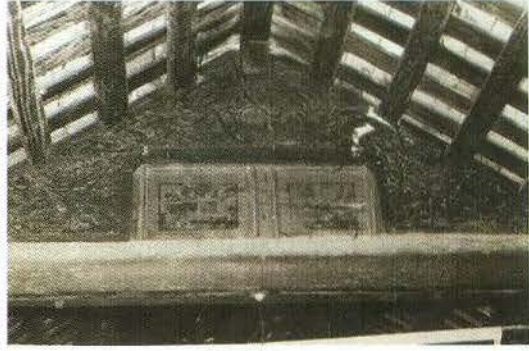
(Nguồn: Cục Di sản văn hóa)

Trang trí trên kiến trúc, chủ yếu thể hiện ở phần cốn, đầu dư và bẫy hiện (Hình 6). Cốn trong các gian tòa Đại đình được chia làm 2 loại. Loại thứ nhất được thể hiện ở 2 vì gian giữa. Loại thứ hai ở các gian bên và gian chái. Cốn gian giữa khác các cốn gian khác là được tạo thêm ván mê và khoảng cách các con rường được chắp khít nhau thông qua một đầu vuông thót đáy mỏng tạo thành một mảng kín để trang trí các đề tài. Các cốn gian còn lại là hệ thống các con rường, một đầu ăn mộng vào cột cái. Đầu kia chồng nhau thông qua các đầu vuông thót đáy có độ dày hơn (Hình 7).

Hệ thống xà đui, xà nách, một đầu ăn mộng vào cột cái, một đầu ăn mộng với cột quân, đỡ dưới là các ghé. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đây là dạng kết cấu kiến trúc “Thượng chông rường hạ kẻ”. Một số khác lại kết luận đây là kết cấu “Giá chiêng vì kèo cột trụ, cốn chông rường, bẫy hiện”. Phần đỡ lấy câu đầu phía dưới là đầu dư, đỡ lấy xà đui, xà nách là ghé.



Máng chạm hình chim phượng trên cốn, năm 1992



Cốn Hậu cung

Hình 7. Chạm khắc trên cốn

(Nguồn: Cục Di sản văn hóa)

Đầu dư ở đây đều được chạm khắc tỉ mỉ, nhô ra dưới bụng cầu đầu phía ngoài cột cái với 2 loại hình: thứ nhất tạo tác dạng đầu rồng với các đao mác bay hết phần thân của đầu dư; thứ hai chỉ có 4 đao dưới bay thẳng ra phía sau hết thân đầu dư. Cả 2 loại hình này đều tập trung ở gian giữa của tòa Đại đình. Đầu dư ở các gian khác cũng tạo tác tương tự. Duy chỉ có 2 đầu dư ở gian chái, phía bên trái tòa Đại đình là trang trí một nửa thân phần mặt ngoài vào trung tâm đình. Hiện tượng này là nhằm đề cao, tôn thờ đối với các vị thần linh. Từ đặc điểm trang trí, có thể nhận định rằng: 2 đầu dư của gian chái và một số đầu dư khác là những cấu kiện công trình từ lúc khởi nguyên (Hình 8).



Máng chạm hình con nghê ở đuôi đầu dư, năm 2006



Máng chạm hình người ở đuôi đầu dư, năm 2006

(Nguồn: Vũ Văn Hòa)



Hệ thống đầu dư (Nguồn: Tác giả)

Hình 8. Đầu dư được chạm khắc tỉ mỉ

2.2. Hậu cung

Hậu cung đình Tĩnh Quang là phần chuỗi vò có kết cấu 3 gian chạy dọc, nối với phần kiến trúc Đại đình tạo thành tổng thể hiện trạng, kiến trúc hình chữ Đinh (丁). Mặt nền của tòa Hậu cung cao hơn so với nền tòa Đại đình 50cm.

Nguyên thủy đình chỉ có kết cấu mặt bằng hình chữ Nhất (一), sau đó nối thêm phần Hậu cung. Nhìn tổng thể các hệ thống đầu bẩy duy chỉ có phần vì của 2 gian giữa với hệ thống bẩy được tạo biến thể trở thành phần xà gối từ cột quân sang cột hiên mà thực chất tạo thành cột cái của tòa Hậu cung. Phần xà nách được cắt bớt để đáp ứng và phù hợp với độ rộng khoảng cách nối giữa Đại đình và Hậu cung. Thực tế này cũng thể hiện rõ nét trên phần trang trí đề tài “*rồng phụ tử*”: do cái tạo mà đầu rồng chính đã bị cắt bớt chỉ còn lại phần thân. Từ đó lại nảy sinh một bức dạng cốn ván mê ghép bởi các ván với nhau tạo thành đề tài “*rồng vằn vũ*”. Tuy nhiên, với những đường nét chạm khắc nổi, bong kênh có phần sắc sảo, đây là sản phẩm của nghệ thuật chạm khắc đầu thế kỷ XX.

Phần cửa của Hậu cung được tạo thành hệ thống cửa bức bàn với hình thức thượng song hạ bản. Phần gian giữa mà chính là khoảng cách giữa hai cột là những hàng cửa bức bàn với sáu cánh, rộng bản 50cm được tạo phần trên con tiện, phía dưới chạm nổi đề tài “*trúc mai*”, “*mâm bông ngũ quả*”. Chạm thủng với đề tài “*long - quy*”, cả rồng lẫn rùa được chạm trong khuôn phạm hình tròn. Rồng đang trong tư thế cuộn mây vằn vũ, rùa cũng hàm thư (sách bút) đang ngậm cụm mây trên nền vân sóng.

Trang trí vì nóc dạng ván mê với đề tài “*hổ phù*” trong tư thế nuốt mặt trăng. Đây là đề tài gắn với các mảng trang trí khác trong cùng một hệ thống trang trí của kiến trúc. Ngoài hình tượng hổ phù ở đây còn có những hoa lá dạng mây cách điệu nhằm tôn lên vẻ đẹp của linh vật tầng trên.

Hiện nay, kết cấu kiến trúc phần Hậu cung được làm dưới 2 dạng vì khác nhau. Bộ vì thứ nhất nối với tòa Đại đình và bộ vì đầu tiên của gian cung cấm làm dưới dạng vì nóc ván mê đứng trên câu đầu. Cốn ván mê đứng trên xà nách, thể hiện đề tài trang trí “*phượng hàm thư*” và vì nóc trang trí “*rồng châu mặt trời*”. Riêng phần vì nóc tiền gian Hậu cung được tạo bởi ván mê trong lòng khắc chữ “*vạn xuân*”. Các vì còn lại cũng dạng kết cấu “Thượng ván mê, hạ kẻ ngòi”. Nối giữa các hệ thống cột quân là các xà hạ tạo gắn kết liền gian.

Phần bẩy được đỡ trên hệ thống tường bao khép kín xây bằng gạch bê tông. Đây chính là không gian khép kín của tòa Hậu cung. Hai bên tường được chạm thủy ô tròn và có gắn chạm thủng hình chữ phúc. Phần nóc cũng được lợp ngói vẩy rồng như tòa Đại đình. Đồng thời, bờ dải và bờ chày cũng được tạo bởi bờ viền dạng đầu vuốt kẻ chỉ.

2.3. Nhà Tả vu, Hữu vu

Mỗi dãy Tả vu, Hữu vu đình Tĩnh Quang gồm 5 gian, 4 hàng chân cột, tường hồi bít đốc, được xây dựng bởi gạch, vôi vữa với bộ khung bằng chất liệu gỗ lim, mái lợp ngói ta. Tả vu, Hữu vu bắt đầu chạy từ tiếp giáp đao tòa Đại đình ra đến tiếp giáp hệ thống Nghi môn, tạo không gian khép kín. Nền của Tả vu, Hữu vu cao hơn nền sân 30cm. Kết cấu kiến trúc với cột trụ vì rẻ quạt, xà ngang gánh hai đầu được đặt trên hệ thống tường đỡ lấy phần vì nóc phía trên. Hệ thống các hoành, rui, vì được tạo vuông, để trơn không trang trí. Vì nóc được tạo dáng cột trốn chồng rường biến thể đứng trên xà ngang.

2.4. Hồ bán nguyệt (Ao đình)

Hồ bán nguyệt, vốn gốc ban đầu là Ao của đình. Ao mang tư cách tụ thủy tụ phúc. Ao thấp mang ý nghĩa âm, đình xây trên cao mang ý nghĩa dương. Hiện nay, Ao đình đã được cải tạo thành Hồ bán nguyệt, xung quanh được kê đá và có cầu lên xuống nằm ở phía sau Bình phong.

2.5. Bình phong

Vị trí của Bình phong hiện nay, trước đây là vị trí lăng mộ quan Thái giám bằng đá, có bia tứ trụ ghi chữ “*Thái giám từ*”. Sau này khi tôn tạo lại tổng thể đình, đã chuyển lăng mộ quan Thái giám và bia tứ trụ sang phía trước, bên phải tòa Đại đình. Về hình thức kiến trúc, Bình phong được làm theo kiểu cuốn thư, trang trí đơn giản. Nhìn chung, đây là một bức bình phong mới được xây dựng và chịu ảnh hưởng của nghệ thuật cổ truyền.

2.6. Nghi môn

Hiện nay, đình Tỉnh Quang có 2 Nghi môn.

Nghi môn thứ nhất nằm phía trước tòa Đại đình, trên trục thần đạo là một kiến trúc được xây dựng lại vào khoảng cuối những 20 của thế kỷ XX. Nghi môn được làm dạng Tam môn, bề rộng trải gần hết chiều ngang tòa Đại đình. Phần giữa được làm dưới dạng kiến trúc 2 tầng mái chồng diêm. Phía cách 2 cửa bên cũng được tạo dạng cột trụ đèn lồng. Khoảng cách giữa cột trụ chính với cửa bên và cột trụ là khoảng tường để phân định không gian.

Nghi môn thứ hai, ngang tòa Đại đình, bên trái để bắt đầu đi vào không gian của đình. Nghi môn này với 4 cột trụ, 2 trụ nhỏ hai bên và 2 trụ to ở giữa. Từ dưới lên ở giữa của 2 cột trụ chính được làm dạng mái đao, gián ngói vảy cá. Nghi môn này được xây dựng vào năm 2010.

3. Nghệ thuật điêu khắc, trang trí đình Tỉnh Quang

Có thể nói, giá trị nổi bật nhất của di tích đình Tỉnh Quang là phần nghệ thuật điêu khắc, trang trí trên kiến trúc. Ít có ngôi đình nào trong nội thành Hà Nội tồn tại đến nay còn giữ được nhiều mảng điêu khắc với những đề tài phong phú, mang tính nghệ thuật và ý nghĩa sâu sắc như đình Tỉnh Quang. Các mảng điêu khắc tập trung nhiều nhất ở tòa Đại đình, trên những bức cốn, ghé, đầu dư và bẩy hiên. Những đề tài trang trí quen thuộc như rồng, lân, phượng, vân xoắn, cụm mây,... không chỉ chuyển tải những mong muốn ước vọng của người dân mà còn góp phần làm cho kiến trúc ngôi đình thêm mềm mại và sống động.

3.1. Nghệ thuật trang trí trên đất nung, vôi vữa

Trên bờ nóc tòa Đại đình, hai đầu kim của bờ nóc là hai con kim cuốn thủy dạng lân. Chính giữa bờ nóc đắp hình tượng “*lưỡng long châu nhật*” (đôi rồng châu mặt trời). Tiếp sau rồng là đôi phượng trong tư thế cánh dang rộng bông bông trên nền của bầu trời. Bờ dải được trang trí dải hoa lá chanh chạy từ đuôi của đầu kim đến tiếp nối phần đầu guột. Phần giữa mà chính là phần cuối bờ chày được tạo đắp hình tượng dạng con Nghê. Phần đầu guột, tạo bởi hình tượng lá cúc lật, có một phần nhánh lá vút ra. Đứng trên đó là hình tượng con Lân đang ngâm cụm mây.

Tất cả bờ nóc, bờ dải, bờ guột đều được đắp bằng vôi vữa và gạch hoa chanh bằng đất nung. Đây là những sản phẩm có niên đại rất muộn và được đắp giả cổ nên giá trị nghệ thuật không cao.

3.2. Nghệ thuật điêu khắc, trang trí trên gỗ

Điêu khắc ở đình làng bao gồm toàn bộ các phần trang trí, đục chạm vào gỗ, tạo hình tượng hấp dẫn, ưa nhìn cho các cấu kiện gỗ chịu lực vốn khô cứng... Tại đình Tinh Quang, các đề tài được thể hiện phong phú, đa dạng, như: rồng, phượng, chim thú, tiên cưỡi rồng... với những thủ pháp chạm nổi, chạm lõng, chạm thủng, chạm kênh bong... tất cả hòa quyện, đan cài vào nhau, tạo thành một tổ hợp sống động... thể hiện sự tài hoa, khéo léo của người thợ thủ công và mang đặc trưng dấu ấn đương thời.

- Đề tài tiên cưỡi rồng: tại ván gió gian giữa tòa Đại đình còn có chạm khắc hình tượng cảnh tiên cưỡi rồng. Với những hình ảnh đó, con rồng đã mất đi dáng vẻ dữ tợn, oai nghiêm, mà chúng như những con vật rất đời thân thuộc trong đời sống thường nhật. Thông qua thể hiện đề tài, người dân muốn gửi gắm vào đó những ước vọng của mình. Ước vọng về một cuộc sống hòa bình, không có chiến tranh; khao khát vùng lên mong thoát khỏi sự đè nén áp bức của chế độ quân chủ trung ương tập quyền.

- Đề tài rồng: có những mảng trang trí sớm nhất mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII với những đặc điểm chung: mắt tròn lồi, mũi to như mũi sư tử, trán dô, miệng rộng, sừng nhọn như sừng nai, tai thú, chân có bốn móng như móng chim ưng... nhưng mỗi con lại có một vẻ riêng. Con thì cổ tròn, con thì có vây xếp lớp; có con râu tết lại, bay ngược về phía sau; có con râu uốn khúc thành những ngọn lửa nhỏ, đều nhau; có con hai chân trước vươn ra vượt râu trông rất ngộ nghĩnh; có con lại dùng hai chân sau tỳ vào cây cột lực lưỡng như muốn vươn mình thoát ra một cách dũng mãnh. Các con rồng được chạm với thân mập, uốn khúc, miệng rộng, mắt tròn. Toàn bộ đao mắt, bờm rồng như những đao mác cuộn cuộn bay ngược ra phía sau. Khúc đuôi nhỏ dần, thuôn đều. Lông đuôi xòe tròn như hình chiếc lá. Trong lòng mỗi giá chiêng tại vì nóc đều được chạm nổi một con rồng lớn đang cuộn mình. Đầu rồng ở vị trí trung tâm mảng chạm đang quay nhìn ra chính diện, râu, đao mắt bay đều ra hai bên. Thân rồng cuộn khúc phía dưới.

Không chỉ có vậy, ở đình Tinh Quang, còn nhiều mảng chạm rồng với các lớp lá hoá, rồi dạng trúc hoá rồng... Hình tượng rồng với đao mác và mây cuộn đã hợp thành một biểu tượng cầu mưa của cư dân nông nghiệp.

Rồng mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn: có nhiều trên đồ thờ (nhang án, bát bửu, đồ tế khí...) và trên cấu kiện kiến trúc ở tòa Đại đình.

Rồng được chạm khắc với chiếc đầu khá lớn, nổi bật, trán dô, mắt lồi, khuôn mặt dữ tợn. Bờm, tóc, đao mắt mềm mại, dạng như đuôi nheo, bay ngược ra đằng sau. Thân rồng uốn khúc, đuôi và các lông đuôi xoắn tít. Xung quanh rồng là mây ám, rùa, phượng, hoa sen... Nét chạm, rỗng rậm, chúng có nhiều nét tương đồng với những mảng chạm ở các đình đương thời.

Nói chung các mảng chạm rồng mang phong cách nghệ thuật Nguyễn ở đình Tinh Quang chủ yếu tập trung tại tòa Đại đình. Các con rồng thường không đứng độc lập mà được mô tả chung với các đề tài khác: phượng, rùa, hoa sen, vân mây, lá lật... Một đặc điểm chung

nữa là các con rồng mang phong cách nghệ thuật thời này đều được tạo với chiếc đầu khá lớn so với thân, mắt tròn lồi, sừng nhọn, miệng rộng, khuôn mặt dữ tợn...

- Đề tài lân: tại đình Tỉnh Quang hiện còn có một vài bức chạm lân với hình dạng khác nhau. Điềm xuyên trên thân, khuỷu là những vân xoắn, đao mác. Tất cả tạo cho con lân một vẻ đẹp viên mãn, vừa sống động, vừa gần gũi.

- Đề tài phượng: điêu khắc, trang trí trên đầu dư: đầu dư kiến trúc chạm dạng đầu rồng với các họa tiết đao chạm lộng, chạm thủng và kênh bong. Đầu rồng có những chi tiết: mũi nổi khối, mắt quý, miệng lang, sừng nai, tai thú, trán lạc đà, chân chim ưng, vây cá chép, móng chim ưng. Đây là hình tượng rồng đã chịu ảnh hưởng của rồng Trung Hoa. Miệng ngậm minh châu, 2 nanh rồng được biến thể dạng lá thiêng. Chân khuỳnh ra ốp vào phần dưới cổ, chân trong tư thế nắm chặt lấy 2 đao cổ phía dưới. Có con với đôi chân trước được đưa ra xa một chút, đuôi rồng mập dạng đuôi cá.

Đặc biệt, tại 2 đầu dư phía trước gian giữa với 2 mặt ốp trung tâm, một đuôi được biến thể thành hình tượng con Lân đang châu quý ra phía trước sân với tư thế khỏe mạnh đang vờn đùa vũ trụ. Một bên thì phần đuôi lại biến thể thành hình tượng hai Võ sĩ vũ trụ đang cười trên đầu hai con Sư tử. Võ sĩ được thể hiện hình tượng chú bé: một chú đội mũ tròn, một chú đội mũ tam giác (mũ bi biện), mặt tròn vui tươi với dáng vẻ khỏe khoắn hồn nhiên. Đây là một hình ảnh sinh hoạt đầy chất nghệ thuật dân dã. Cái khỏe của sự hồn nhiên, cái khỏe của vũ trụ.

- Đề tài các con vật dân gian: trên hai cồn nách gian giữa nối tòa Đại đình với Hậu cung trang trí hình ảnh dân dã như doi và chuột đang rượt đuổi nhau ẩn trong đám mây, xung quanh điếm kín những đao mác, vân xoắn trông thật sinh động. Các hình tượng này cũng thể hiện ước vọng của cư dân nông nghiệp lúa nước trong việc cầu mong sự no đủ, mưa thuận gió hoà, vạn vật sinh sôi phát triển.

- Một số hiện vật trong đình:

Hiện vật bằng giấy: hiện nay tại đình chỉ còn lưu giữ được một sắc phong Bảo Đại thứ 9 (1934). Đây là sắc phong của triều đình nhà Nguyễn ban tặng cho Vua Lý Nam Đế - một trong ba vị Thành hoàng của làng.

Hiện vật bằng gỗ: trong đình Tỉnh Quang còn lưu giữ được một số hiện vật gỗ như: Y môn, Nhang án, Kiệu bát cống, ngai thờ, bàn thờ, kiệu xe, và những hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng với nội dung chủ yếu là ca ngợi công đức các vị Thành hoàng làng. Hầu hết đều là hiện vật mới do nhân dân cung tiến cho đình.

4. Giá trị lịch sử văn hóa đình Tỉnh Quang

4.1. Niên đại kiến trúc tòa Đại đình

Đối với mặt bằng kiến trúc, có thể nhận định, hướng của đình Tỉnh Quang quay về hướng đông - bắc là đặc điểm khác biệt đối với những công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng có niên đại trước thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, dựa vào phong cách nghệ thuật của các tác phẩm điêu khắc, trang trí hiện còn tại tòa Đại đình, bước đầu có thể đưa ra nhận định,

công trình này được khởi dựng vào nửa đầu thế kỷ XVII, tu bổ lớn vào nửa cuối thế kỷ XVII và tiếp tục được tu bổ một số lần sau này vào thời Nguyễn. Đến năm 1971 đình tiếp tục được tu bổ, năm 2002 tu bổ lại mái tòa Đại đình. Năm 2008 - 2009, đình được nhà nước cùng nhân dân đóng góp kinh phí và công sức tu bổ tổng thể các hạng công trình để có diện mạo ngôi đình to đẹp như ngày nay.

4.2. Những giá trị nghệ thuật kiến trúc

Đình Tình Quang có thể coi là ngôi đình làng quê điển hình vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ Nam sông Đuống. Nằm trong dòng chảy của hệ thống kiến trúc đình làng Việt Nam, đình Tình Quang đã góp phần khẳng định giá trị lịch sử văn hóa của kiến trúc đình làng trong lịch sử dân tộc.

Về bố cục mặt bằng: những nghiên cứu về đình làng Việt trong những năm vừa qua cho thấy, những ngôi đình buổi đầu chỉ có mặt bằng chữ nhật, ba gian hai chái (đình Tây Đằng, đình Thanh Lũng, đình Thụy Phiêu, Hà Tây cũ; đình Xuân Dục, Hà Nội). Về sau này, bên cạnh ngôi đình với mặt bằng ba gian hai chái, đã xuất hiện những ngôi đình lớn hơn, mặt bằng năm gian hai chái (đình Đông Viên, đình So, Hà Tây cũ; đình Phù Lão, Bắc Giang). Cũng từ nửa sau thế kỷ XVII, Hậu cung chuôi vồ đã xuất hiện trong kiến trúc đình làng (đình Hữu Bằng, đình So, Hà Tây cũ), cho thấy Thành hoàng đã được đưa hẳn vào thờ tự trong đình, đình Tình Quang cũng nằm trong quy luật phát triển chung đó. Ra đời từ thế kỷ XVII, giai đoạn phát triển rầm rộ của kiến trúc đình làng, đình Tình Quang là một nhân tố góp vào sự bùng nổ của đình làng.

Hơn thế nữa, đình Tình Quang là một trong số ít ngôi đình niên đại thế kỷ XVII còn bảo tồn được phần nào về kiểu dáng kiến trúc. Khởi dựng từ nửa đầu thế kỷ XVII, tới đầu thế kỷ XX, đã có đầy đủ các hạng mục: Ao, Bình phong, Nghi môn, sân, nhà Tả vu, Hữu vu, tòa Đại đình, Hậu cung... Tất nhiên, các công trình đó không phải ra đời cùng một thời điểm mà được xây dựng, bổ sung dần qua từng thời kỳ lịch sử, phù hợp với sự phát triển chung của đình làng Việt.

- Về kết cấu khung kiến trúc: cùng với các đình làng ở đồng bằng châu thổ Bắc Bộ tạo nên một phong cách kết cấu mang tính thời đại không thể phủ nhận được. Nếu từ thế kỷ XVI trở về trước, hệ vì cơ bản của kiến trúc cổ truyền Việt Nam là kiểu vì: 4 hàng chân, khẩu độ lòng nhà hẹp, câu đầu thường đặt trên đầu cột, vì nóc giá chiêng với những con rường, trụ trốn ngắn mập. Sang thế kỷ XVII, ở đình Tình Quang và một vài ngôi đình làng khác (đình Nghiêm Xá, Hà Tây cũ), bộ vì nóc kiểu giá chiêng, vẫn còn các ván bưng chạm rồng trong lòng giá chiêng, khá gần gũi với những ngôi đình thời Mạc trước đó (đình Thụy Phiêu, đình Tây Đằng, Hà Tây cũ)... Tuy nhiên, ở đây, con rường trên cùng đã thẳng hơn, không còn uốn cong kiểu rường bụng lợn nữa. Cũng từ thế kỷ XVII, với việc dùng gỗ lim có khẩu độ lớn hơn thay thế gỗ mít; với nhu cầu mở rộng lòng công trình, đã xuất hiện kiểu vì 6 hàng chân, xuất hiện cấu kiện kẻ suốt liên kết hiên; Kiểu vì trên rường, dưới kẻ đã trở nên phổ biến.

Từ thế kỷ XIX bộ khung nhà đã chia thành hai ngả. Một là trở về với kiểu 4 hàng chân, các con rường đã được dùng làm yếu tố liên kết và ở đầu cột quân vươn ra chiếc bẩy.

Con rường đã được biến thể đủ loại thành: cốn mê, giả thù, chữ triển... (như kiến trúc Đại đình); ngà thứ hai có khuynh hướng quay về với kỹ thuật truyền thống, kẻ suốt đã biến thành kẻ chuyển với một hàng cột hiên tạo nên kiểu vì 6 hàng chân. Tất cả các cấu kiện đó được liên kết với nhau bởi các chốt mộng khít khao, khi cần có thể tháo lắp một cách dễ dàng, thuận tiện. Thực tế, nhiều làng đã dời đình làng từ vị trí này tới vị trí khác (đình Đông Viên rời từ ngoài bãi vào trong làng), có làng đã đi mua cả bộ khung đình từ nơi khác về dựng lại (đình Phong Cốc, Quảng Ninh; đình Khê Tang, Hà Tây cũ), có làng đã nâng kích bộ khung đình lên cao một vài mét để tránh ngập lụt (đình Thổ Hà, Bắc Giang đã được nâng lên cao 1,6m). Từ những ví dụ đó đã chứng minh tính ưu việt của bộ khung kiến trúc gỗ cổ truyền Việt. Và có thể nói: Người Việt dựng chứ không xây đình...

Cùng kiểu vì như vậy, cùng kiểu liên kết ấy người Việt không chỉ dùng để dựng đình mà dùng cho hầu hết các loại hình kiến trúc mà không có sự phân tách. Điều đó nói lên tính thống nhất cao về mặt kết cấu trong kiến trúc cổ truyền Việt. Các kiểu liên kết vì xuất hiện ở những thời điểm khác nhau, nhưng kiểu vì sau không loại trừ kiểu vì trước. Kiểu vì giá chiêng đã xuất hiện sớm vẫn được sử dụng ở thời sau, tuy có vài biến đổi cho phù hợp. Điều đó cho thấy thức kiến trúc cột - xà - kẻ - bẩy đã được bảo lưu một cách khá vững chắc. Trong tổng thể kiến trúc, mỗi một cấu kiện giữ một vai trò, một công năng kỹ thuật nhất định, tạo nên tính hợp lý của cấu tạo. Có thể nói: Tính thống nhất - Tính bảo lưu - Tính hợp lý là những đặc trưng cơ bản của kiến trúc gỗ cổ truyền Việt.

4.3. Những giá trị nghệ thuật điêu khắc, trang trí

Về mặt bố cục, nếu ở nghệ thuật Lý - Trần, hình rồng trong một chiếc lá đề phải đối xứng qua ngọn lửa đã đành, mà ngay trên bề dày của các viên gạch bố cục theo dải cũng là phải đối xứng. Tính đăng đối đã làm cho nghệ thuật tuy có nhịp điệu, nhưng đã tạo nên cảm giác buồn, lặng lẽ. Ngược lại, ở điêu khắc, trang trí đình Tinh Quang hình ảnh ngoài đời tron chảy trong nguồn cảm hứng bất chợt diễn mãi không hề lặp lại.

Điêu khắc đình Tinh Quang còn thể hiện về độc đáo, không gian và tỷ lệ của các bức chạm hoàn toàn theo cảm hứng của người nghệ nhân, các đề tài nối tiếp nhau, tạo nên một tổ hợp sống động. Kích cỡ của các hình khối đã không giữ đúng tỷ lệ thực của chúng mà ngay trong một mảng chạm giữa các đề tài cũng không theo một tỷ lệ nhất định. Các nghệ nhân chạm khắc đình Tinh Quang đã giới về bố cục lại tài về diễn khối. Nét phổ quát của hình chạm là lối diễn khối mập khoẻ, đầy đặn. Những khối không đơn điệu mà trở nên sống động, vấp vấp với những nét đục dứt khoát. Kỹ thuật chạm bong kênh làm cho khối bật lên trên các thờ gỗ dày dặn.

Điêu khắc, trang trí đình Tinh Quang mang chất hội họa. Lối chạm bong kênh tạo nên nhiều tầng, nhiều lớp, nhiều hố hữu thức trên các tác phẩm, đã tạo cho bức chạm nhiều màu, nhiều vẻ, luôn luôn thay đổi. Với lối sử dụng nhiều "màu" - ánh sáng độc đáo như thế, chất hội họa thể hiện rất rõ nét. Và, cũng chính "kiểu tô màu" ấy đã làm nên vẻ biến ảo của các bức chạm. Vẻ biến ảo ấy, đã làm điêu khắc đình làng như tự nhân khối lượng các tác phẩm của mình lên với một cấp số khó có thể tính được và chẳng bao giờ nhàm chán trước người xem.

Với điều khắc đình Tinh Quang, ta đã đứng trước một giai đoạn nghệ thuật độc đáo nhất. Song, xem kỹ, ta cũng thấy điều khắc đình Tinh Quang không phải là hiện tượng bất ngờ, mà đã thừa kế được một truyền thống điêu khắc từ xưa. Người thợ trang trí đình khi tiếp thu truyền thống của ông cha vẫn cố tình muốn vượt qua để nói một kiểu ngôn ngữ ngang tăt, năng động, cởi mở, để tự khẳng định mình và thời đại của mình, mà không hề tìm một giá trị sao chép và thực sự họ đã vượt ngưỡng thành công.

Với các mảng điêu khắc, trang trí thuộc giai đoạn hậu Lê, Nguyễn đã chứng tỏ sự tài hoa, khéo léo của các nghệ nhân đương thời. Những mảng chạm khắc trang trí ở đình Tinh Quang đã thể hiện tính dân gian sâu sắc với nhiều đề tài phong phú. Đời sống và sinh hoạt của người dân địa phương rõ ràng đã có ảnh hưởng đến nghệ thuật trang trí kiến trúc và ngược lại, kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc lại là tấm gương phản ánh cuộc sống của người xưa. Đình Tinh Quang đã thực sự góp phần tô đẹp thêm truyền thống văn hoá nghệ thuật ở Long Biên, Hà Nội nói riêng, cũng như trong nền nghệ thuật kiến trúc đình làng vùng châu thổ Bắc Bộ nói chung...

Đình Tinh Quang là một trong ít ngôi cổ đình còn bảo tồn đầy đủ các di vật có giá trị. Với tất cả các yếu tố đó, đình làng Việt Nam nói riêng, đình Tinh Quang nói chung phải được xem là những di sản văn hoá vô giá của ông cha ta, cần được bảo tồn và phát huy giá trị để vẫn mãi toả sáng những giá trị mà nó đã tạo ra trong dòng chảy của lịch sử văn hoá dân tộc.

TÀI LIỆU DẪN

CỤC DI SẢN VĂN HÓA. *Đình, chùa Tinh Quang*. Lưu trữ tại Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ số 203.

ARCHITECTURE AND SCULPTURE OF TÌNH QUANG COMMUNAL HOUSE (HÀ NỘI)

LÊ QUỐC VỤ

Tinh Quang communal house belongs to Tinh Quang village - village, Giang Biên ward, Long Biên district, Hà Nội.

The main architecture of Tinh Quang Communal House is fairly intact and has the values of traditional architecture and art, including such items as a pond, partitions, gates, yard, a left and right houses, a Central Hall, and a harem.

Its most outstanding values are sculptural art and architectural decoration, with rich topics that are artistic and profoundly meaningful. The sculptural pieces concentrate on the Central Hall and wooden supporters such as *búc cốn*, *búc cốn*, *nghe*, *đầu dư* and *bảy hiên*. The decorative topics are popular such as dragons, phoenixes, spiral clouds, cloud patches, etc., which not only convey people's desires, but also make its architecture more pliable and lively.

Based on the artistic style of the existent sculptural and decorative works in the Central Hall, it is initially possible to suppose that this communal house was started to be built in the first half of the seventeenth century, and was greatly reconstructed in the second half; it continued to be reconstructed several times later in the Nguyễn period.

Tinh Quang communal house can be considered as a typical village communal house in the plain of the northern delta, and is also one of the few ancient houses still preserving all valuable relics to this day. These are priceless cultural heritage of our fathers, which need to be preserved and promoted.